

Số: 379 /TB-VPCP

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2013

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số:..... 8455..... Ngày: ... 15/10...

THÔNG BÁO

Kết luận của Phó Thủ tướng Vũ Văn Ninh tại Hội nghị sơ kết 3 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới các tỉnh miền núi phía Bắc

Ngày 24 tháng 9 năm 2013, tại thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Phó Thủ tướng Vũ Văn Ninh, Trưởng Ban chỉ đạo Trung ương đã chủ trì Hội nghị sơ kết 03 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới các tỉnh miền núi phía Bắc. Tham dự Hội nghị có lãnh đạo các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban Dân tộc và Văn phòng Chính phủ; đại diện Ban Chỉ đạo Tây Bắc, Bộ Xây dựng, các đồng chí cố vấn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; lãnh đạo Ủy ban nhân dân 15 tỉnh miền núi phía Bắc và đại diện các huyện, xã điển hình của các tỉnh.

Sau khi nghe Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo kết quả 03 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới các tỉnh miền núi phía Bắc, ý kiến tham gia của các đại biểu, ý kiến của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Cao Đức Phát, Phó Trưởng ban thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương, Phó Thủ tướng Vũ Văn Ninh kết luận như sau:

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Biểu dương những kết quả đã đạt được của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân 15 tỉnh miền núi phía Bắc trong việc chỉ đạo và tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (Chương trình). Trong 3 năm qua mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng với sự nỗ lực, sáng tạo trong lãnh đạo, điều hành, tổ chức thực hiện của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương và tham gia tích cực của các tầng lớp nhân dân nên Chương trình xây dựng nông thôn mới đã đạt được kết quả đáng khích lệ, cụ thể là:

- Về công tác lãnh đạo, tổ chức thực hiện Chương trình: Công tác lãnh đạo, tổ chức thực hiện Chương trình đã được các tỉnh quan tâm chỉ đạo, tổ chức thực hiện quyết liệt. Đã thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình các cấp: Tỉnh, huyện, xã; ban hành Quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên phụ trách từng lĩnh vực theo chức năng, nhiệm vụ về chuyên ngành, điển hình là các tỉnh Quảng Ninh, Tuyên Quang, Bắc Giang, Lào Cai...; tại nhiều xã, đã thành lập Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới, Ban Giám sát cộng đồng, Ban Phát triển thôn thực hiện đề án xây dựng nông thôn mới; ban hành nghị quyết, kế hoạch hành động thực hiện Chương trình; căn cứ Bộ Tiêu chí quốc gia về nông thôn mới để ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể việc thực hiện các tiêu chí phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương; tăng cường công tác kiểm tra triển khai thực hiện Chương trình tại các huyện, xã, kịp thời tháo gỡ khó khăn,

vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ hoàn thành mục tiêu của Chương trình; huy động cả hệ thống chính trị vào cuộc tạo nên phong trào sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng nông thôn mới.

- Kết quả thực hiện Chương trình:

+ Đến nay đã có 80% số xã hoàn thành quy hoạch chung (tương đương tỷ lệ bình quân chung của cả nước); 53% xã lập đề án xây dựng nông thôn mới; nhiều địa phương quan tâm bố trí nguồn vốn do địa phương quản lý để đầu tư xây dựng các công trình; có cơ chế hỗ trợ xi măng cho xã làm đường giao thông, thủy lợi, điển hình là các tỉnh Quảng Ninh, Lào Cai, Tuyên Quang, Phú Thọ...; các tỉnh huy động hàng chục nghìn ngày công lao động của người dân, đóng góp kinh phí, tự nguyện hiến đất để xây dựng các công trình tại thôn, bản;

+ Nhiều địa phương quan tâm phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân. Đã xây dựng mô hình chuyển đổi hình thức sản xuất từ tự cấp, tự túc sang phát triển sản xuất hàng hóa đối với nhiều loại cây trồng, vật nuôi, bước đầu đạt kết quả khá, như: Phát triển trồng ngô ở Sơn La, lúa tám thơm ở Điện Biên, trồng hoa các loại ở Sa Pa (Lào Cai), Mộc Châu (Sơn La), mía tím, cam ở Hòa Bình, chè chất lượng cao tại các tỉnh: Thái Nguyên, Yên Bái, Phú Thọ, Sơn La; phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi cá lồng trên các lồng hồ thủy điện Hòa Bình, Sơn La, Lai Châu, Thác Bà (Yên Bái); phát triển mô hình trồng cao su tại các tỉnh: Sơn La, Điện Biên, Lai Châu; trồng rừng kinh tế gắn với nhà máy chế biến các sản phẩm từ gỗ, tre phát triển mạnh tại các tỉnh: Quảng Ninh, Tuyên Quang, Yên Bái, Bắc Kạn, Phú Thọ, Thái Nguyên, Bắc Giang, Hòa Bình. Hạ tầng nông thôn đã có bước phát triển, nhất là về điện, thủy lợi, xóa nhà tạm... Đời sống người dân nông thôn được cải thiện hơn, thu nhập bình quân tăng 35%, tỷ lệ hộ nghèo giảm 7% so với năm 2010.

+ Về xã đạt tiêu chí nông thôn mới: Đến nay toàn vùng đạt bình quân 6,3 tiêu chí/19 tiêu chí (bình quân cả nước đạt 8,06 tiêu chí), tăng 2,6 tiêu chí so với năm 2010. Một số tỉnh phấn đấu đến hết năm 2013 đạt tiêu chí cao hơn mức bình quân chung cả nước, như: Quảng Ninh 12,37 tiêu chí, Bắc Giang 10,24 tiêu chí, Thái Nguyên 8,35 tiêu chí, Phú Thọ 8,31 tiêu chí. Đến hết tháng 9 năm 2013, tỉnh Quảng Ninh là tỉnh dẫn đầu trong 15 tỉnh miền núi phía Bắc về số xã đạt chuẩn nông thôn mới, toàn vùng có 10 xã đạt chuẩn thì tỉnh Quảng Ninh có 8 xã, chiếm 80% số xã; các tỉnh: Yên Bái, Bắc Giang mỗi tỉnh có 01 xã đạt chuẩn. Các kết quả về văn hóa, xã hội, môi trường, củng cố nâng cao hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở đạt khá.

Tuy nhiên, các tỉnh miền núi phía Bắc có đặc điểm chung là vùng có điều kiện tự nhiên phức tạp, kết cấu hạ tầng chưa phát triển, có đông đồng bào dân tộc thiểu số, cư trú phân tán, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn cho nên việc thực hiện Chương trình còn có một số hạn chế. Nhiều tiêu chí trong Bộ Tiêu chí quốc gia về nông thôn mới đạt thấp, chỉ bằng 20-30% so với mức bình quân chung của cả nước; đặc biệt có một số tiêu chí đạt thấp: Hiện cả nước có 1.639 xã đạt dưới 5 tiêu chí thì các tỉnh miền núi phía Bắc có 856 xã, chiếm 52%; cả nước còn 149 xã chưa có đường giao thông đến trung tâm xã, riêng các tỉnh miền núi phía Bắc là 119 xã, chiếm 80%; tỷ lệ xã đạt tiêu chí về giao thông là 5,4%, điện 45,3%, nước sạch 4%, cơ sở vật chất văn hóa 3,4%; thu nhập bình quân đầu người đạt 10,8

triệu đồng/năm, bằng 65% bình quân chung cả nước; tỷ lệ hộ nghèo là 24 % cao gấp 2,4 lần so với bình quân chung cả nước; có 48 % số hợp tác xã bảo đảm cân đối được thu chi hoặc có lãi thấp, số còn lại là thua lỗ; chuyên đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi còn chậm, chưa vững chắc, phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của vùng; công tác nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp (từ khâu giống - nuôi trồng - chế biến - tiêu thụ) chưa đáp ứng yêu cầu; chưa có nhiều mô hình liên kết giữa doanh nghiệp và nông dân trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản; việc huy động nguồn lực cho Chương trình còn thấp; nhận thức của một bộ phận, cán bộ, nhân dân về xây dựng nông thôn mới chưa đầy đủ, vẫn còn tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào Nhà nước; đội ngũ cán bộ tham gia Ban Chỉ đạo các cấp còn thiếu, năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ chưa đáp ứng được yêu cầu.

II. NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI:

Về cơ bản, nhất trí với phương hướng, nhiệm vụ giải pháp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới các tỉnh miền núi phía Bắc trong thời gian tới của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã đề ra, Ủy ban nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc cần quan tâm thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Để đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới trong thời gian còn lại của năm 2013 và những năm tiếp theo, yêu cầu Ủy ban nhân dân các tỉnh tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện hoàn thành kế hoạch năm 2013, có biện pháp cụ thể để khắc phục những hạn chế, tồn tại nêu trên.

2. Các cấp, các ngành của địa phương tiếp tục quán triệt tư tưởng chỉ đạo về xây dựng nông thôn mới, xác định xây dựng nông thôn mới là giải pháp chủ yếu, quan trọng có tính chiến lược để thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban chấp hành Trung ương. Xây dựng nông thôn mới phải thực hiện kiên trì, thường xuyên, liên tục, bền bỉ, không nóng vội; mục tiêu xây dựng nông thôn mới là phục vụ cho nhân dân, là sự nghiệp của dân, do dân làm, vì vậy, cần phát huy vai trò làm chủ của người dân trong thực hiện Chương trình; thực hiện tốt phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”, Nhà nước có cơ chế, chính sách tạo điều kiện, giúp đỡ, hỗ trợ cho dân xây dựng quê hương mình theo quy hoạch, kế hoạch nhằm đạt mục tiêu không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn.

3. Các tỉnh miền núi phía Bắc có địa hình phức tạp, kinh tế xã hội còn nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo còn cao, các xã có diện tích lớn, các thôn bản ở cách xa nhau, vì vậy cần có cơ chế chính sách phù hợp với đặc điểm của vùng và từng địa phương; trong xây dựng nông thôn mới cần xác định địa bàn thôn, bản là địa bàn chủ yếu, quan trọng và phải ưu tiên để thực hiện trước các tiêu chí trên địa bàn thôn, như: đường giao thông, thủy lợi, nhà ở dân cư, giảm tỷ lệ hộ nghèo, tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên, hình thức tổ chức sản xuất, trường học, môi trường,...

4. Về công tác quy hoạch: Tiếp tục rà soát để nâng cao chất lượng công tác quy hoạch và thực hiện quản lý đầu tư xây dựng theo quy hoạch xã, trong đó đặc biệt ưu tiên gắn quy hoạch cơ sở hạ tầng với quy hoạch sản xuất, quy hoạch bố trí dân cư. Trên cơ sở thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo Quyết định số

899/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ, các địa phương thực hiện rà soát lại quy hoạch sản xuất, phải xác định rõ cây trồng, vật nuôi có thể mạnh từng xã, từng huyện, đồng thời, quy hoạch phải đáp ứng được nhiệm vụ sản xuất cả trước mắt và lâu dài, hướng tới mở rộng phạm vi trên địa bàn xã, huyện để hình thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn gắn với thị trường tiêu thụ.

5. Về phát triển sản xuất: Trên cơ sở kết quả rà soát lại quy hoạch sản xuất để thực hiện việc chuyển đổi cơ cấu, cây trồng vật nuôi phù hợp từng thôn, bản, từng xã; lựa chọn một số cây trồng, vật nuôi chính, có khả năng cạnh tranh để tập trung sản xuất, đồng thời, có giải pháp cụ thể để nâng cao năng suất chất lượng và giá trị gia tăng của nông sản; tiếp tục xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả đã và đang thực hiện tại các xã, nhất là đối với cây trồng, vật nuôi bắt đầu phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa.

6. Đẩy mạnh nghiên cứu, áp dụng khoa học công nghệ đặc biệt là công nghệ cao nhằm tạo ra sản phẩm sạch, có chất lượng, giảm giá thành; tăng cường công tác đào tạo nguồn nhân lực, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ có năng lực, trình độ đáp ứng yêu cầu phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp theo các hình thức sản xuất khác nhau: Gia trại, trang trại và sản xuất hàng hóa với quy mô phù hợp từng địa bàn, từng dân tộc; ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại chỗ là người dân tộc thiểu số.

7. Đánh giá, tổng kết và tiếp tục nhân rộng mô hình liên kết giữa doanh nghiệp với nông dân; mô hình hợp tác xã kiểu mới trong nông nghiệp để nâng cao năng lực tổ chức quản lý, hoạt động của hợp tác xã trong việc cung cấp dịch vụ đầu vào, chế biến, tiêu thụ nông sản cho nông dân.

8. Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của Chương trình xây dựng nông thôn mới; khơi dậy sức mạnh của nhân dân để thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu về xây dựng nông thôn mới; có chỉ tiêu cụ thể giao cho các huyện, xã phấn đấu trong từng năm; việc thực hiện các tiêu chí phải tránh tư tưởng nóng vội, thành tích; căn cứ vào huy động nguồn lực, đặc điểm từng thôn, bản, từng xã, tập quán của từng dân tộc để sắp xếp theo thứ tự ưu tiên, lựa chọn tiêu chí căn bản, quan trọng, có tính quyết định trong xây dựng nông thôn mới để thực hiện trước, như tiêu chí: Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn, tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên, giảm tỷ lệ hộ nghèo, giao thông, thủy lợi...;

Trong quá trình thực hiện tiêu chí nên lựa chọn giải pháp vừa làm điem vừa làm diện rộng tại thôn, bản, xã; sau từng năm phải có đánh giá, rút kinh nghiệm để phấn đấu thực hiện năm sau số tiêu chí đạt chuẩn cao hơn năm trước, đồng thời có biện pháp để giữ và nâng cao chất lượng đối với tiêu chí đã đạt chuẩn.

9. Tích cực huy động mọi nguồn lực để thực hiện Chương trình; thực hiện tốt việc lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, dự án khác trên địa bàn với nguồn vốn thuộc Chương trình này để phát huy hiệu quả đầu tư. Tăng cường công tác vận động, tuyên truyền các tầng lớp nhân dân để người dân tự nguyện ủng hộ và tham gia xây dựng các công trình trên địa bàn thôn, bản, xã; quản lý chặt chẽ

trong quá trình thực hiện đầu tư, xây dựng các công trình, không để xảy ra tiêu cực, lãng phí, tham nhũng làm mất niềm tin của nhân dân.

Việc huy động đóng góp của hộ dân, trả thù lao cho hộ nghèo tham gia trực tiếp lao động xây dựng các công trình tại xã, thôn, bản: Chính quyền địa phương các cấp (tỉnh, huyện, xã) phải thực hiện theo đúng quy định tại mục d Điều 1 Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về Sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020.

III. VỀ CÁC KIẾN NGHỊ

1. Về hợp nhất các Chương trình mục tiêu quốc gia đang thực hiện trên địa bàn nông thôn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan nghiên cứu, hợp nhất nội dung hoạt động, cơ chế đầu tư, hỗ trợ, cơ chế quản lý điều hành chương trình từ Trung ương đến địa phương để khắc phục những hạn chế: Trùng chéo nội dung hoạt động, nguồn lực đầu tư, hỗ trợ dàn trải, thiếu tập trung..., báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương tại phiên họp cuối năm 2013.

2. Về tăng nguồn lực đầu tư cho Chương trình, trong đó, ưu tiên hỗ trợ mức cao hơn đối với các tỉnh miền núi phía Bắc: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính nghiên cứu, từ kế hoạch năm 2014 ngoài mức hỗ trợ theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 267/TB-VPCP ngày 24 tháng 7 năm 2013 (bình quân khoảng 500 triệu đồng/xã), đối với các tỉnh miền núi phía Bắc cần tìm nguồn lực mới để hỗ trợ đầu tư mức cao hơn so với các vùng khác, báo cáo Chính phủ, Quốc hội xem xét, quyết định.

3. Về sửa đổi tiêu chí về nông thôn mới: Bộ Tiêu chí quốc gia đã được ban hành là cơ sở để các cấp bộ đảng, chính quyền các cấp có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện, phấn đấu đạt tiêu chí trong một thời gian nhất định. Tuy nhiên, đối với các tỉnh miền núi phía Bắc do có tính đặc thù riêng, vì vậy, yêu cầu các Bộ, ngành hướng dẫn các địa phương thực hiện tiêu chí cho phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, khả năng huy động nguồn lực theo từng giai đoạn, bảo đảm tính khả thi và hiệu quả.

4. Về trình tự xét duyệt công nhận và công bố xã, huyện, tỉnh đạt tiêu chí nông thôn mới: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khẩn trương xây dựng quy trình xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 267/TB-VPCP ngày 24 tháng 7 năm 2013 và văn bản số 57/CT-BCĐTWXDNTM ngày 04 tháng 4 năm 2013.

5. Về xây dựng cơ chế chính sách huy động nguồn lực đầu tư xây dựng giao thông nông thôn theo hướng: “Nhà nước hỗ trợ xi măng, sắt thép, một số vật liệu khác và dân tự tổ chức thực hiện”: Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khẩn trương xây dựng cơ chế chính sách, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định để thực hiện tại các tỉnh miền núi phía Bắc và các địa phương khác của cả nước theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 345/TB-VPCP ngày 11 tháng 9 năm 2013.

6. Về lồng ghép nguồn vốn thực hiện Chương trình: Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ liên quan khẩn trương hướng dẫn các Bộ, ngành và

địa phương thực hiện cơ chế, lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án khác trên địa bàn với nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 57/CT-BCĐTWXDNTM ngày 04 tháng 4 năm 2013.

7. Về chức năng nhiệm vụ, biên chế cán bộ của Văn phòng điều phối Chương trình nông thôn mới các cấp: Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh nghiên cứu, đề xuất hình thức tổ chức cho phù hợp với chức năng quản lý nhà nước của các cấp đối với Chương trình, báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương tại kỳ họp cuối năm 2013.

8. Về các kiến nghị: Cơ chế chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; liên kết sản xuất kinh doanh giữa doanh nghiệp và nông dân từ sản xuất đến chế biến và tiêu thụ sản phẩm; tăng vốn đầu tư hỗ trợ cho Chương trình bố trí dân cư; cơ chế chính sách đặc thù cho phát triển hạ tầng thiết yếu và phát triển nông, lâm nghiệp các tỉnh miền núi phía Bắc...;

Đối với các kiến nghị nêu trên, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và lãnh đạo các Bộ, ngành là ủy viên Ban Chỉ đạo Chương trình tiếp thu, căn cứ vào chức năng nhiệm vụ và Chương trình công tác năm 2013 của Ban Chỉ đạo Trung ương tại văn bản số 57/CT-BCĐTWXDNTM ngày 04 tháng 4 năm 2013, thực hiện rà soát việc thực hiện nhiệm vụ được giao; khẩn trương hoàn thành những nhiệm vụ còn lại của năm 2013, cần lưu ý đến việc hoàn thành xây dựng, ban hành các văn bản hướng dẫn địa phương thực hiện Chương trình theo thẩm quyền; trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định bổ sung, sửa đổi hoặc ban hành mới các cơ chế chính sách liên quan đến nông nghiệp, nông dân và nông thôn.

Văn phòng Chính phủ xin thông báo để các cơ quan biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng CP;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND các tỉnh: Hòa Bình, Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Bắc Giang, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Yên Bái, Phú Thọ;
- Các ủy viên BCĐTW Chương trình NTM;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, Công TTĐT, các Vụ: TKBT, KTTH, KGVX, TH, V.III, ĐMDN, NC, V.I, TCCV;
- Lưu: Văn thư, KTN (3) Lĩnh 430

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
PHÓ CHỦ NHIỆM**



Phạm Việt Muôn